

Bản án số: 20/2018/DS-PT

Ngày: 16 - 01-2018

V/v tranh chấp hợp đồng thuê quyền
sử Dụng đất và bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Hoàng

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan
Ông Chung Văn Kết

- Thư Ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang là Thư Ký Tòa án nhân Dân tỉnh Cà Mau.

- Đại Diện Viện Kiểm sát nhân Dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân Dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công Khai vụ án thụ lý số: 200/2017/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử Dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số: 39/2017/DS-ST ngày 29/8/2017 của Tòa án nhân Dân huyện UM bị Kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2017/QĐPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê T P, sinh năm 1964

Địa chỉ cư trú: Ấp 11, xã KL, huyện UM, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn Trung – Văn phòng luật sư Huỳnh Quốc chi nhánh Quốc Khởi thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Tô M D, sinh năm 1952

Ông Trần T K, sinh năm 1950

Cùng địa chỉ cư trú: Số 44, đường ND, K5, P5, TPCM, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn V Q, sinh năm 1957

2. Anh Nguyễn V P, sinh năm 1986

3. Chị Nguyễn C T, sinh năm 1989

4. Chị Dương H C, sinh năm 1994

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 11, xã KL, huyện UM, tỉnh Cà Mau.

5. Cty TNHH MTV LNUM H

Địa chỉ: Ấp 15, xã NP, huyện UM, tỉnh Cà Mau.

- *Người Kháng cáo:* Bà Lê T P – Bị đơn.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn và luật sư có mặt; Những người tham gia tố tụng Khác vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê T P trình bày: Vợ chồng bà có hợp đồng thuê đất với ông Trần T K, bà Tô M D vào năm 2000, hợp đồng miệng, Không có làm giấy tờ, hợp đồng Dài hạn từ năm 2000 đến năm 2018. Năm 2000 thì ông K Không lấy tiền thuê đất, năm 2001, 2002, 2003 thì giá thuê là 3.000.000 đồng/năm, từ năm 2004 đến 2008 là 5.000.000 đồng/năm, từ năm 2009 đến năm 2018 là 100 gia lúa tương đương 10.000.000 đồng, bà đã thanh toán tiền thuê đất đến năm 2012. Năm 2013 giá thuê đất là 100 gia lúa tương đương 10.000.000 đồng, bà chưa trả cho ông K, năm 2014 thì đã trả tiền thuê đất với số tiền 9.000.000 đồng, từ năm 2015 đến nay Do ông K ngăn cản bà canh tác nên bà Không trả tiền thuê đất cho ông K. Do đó, bà yêu cầu ông K, bà D bồi thường tiền lúa trong 03 năm (mỗi công 5.000.000 đồng/năm x 14 công x 03 năm = 210.000.000 đồng), tiền cá 04 năm (mỗi năm 10.000.000 đồng x 4 năm = 40.000.000 đồng) và tiền ông K nợ bà 950.000 đồng. Tổng cộng là 250.950.000 đồng. Bà rút yêu cầu Khởi Kiến về việc yêu cầu ông K, bà D bồi thường tiền hỗ trợ Di Dời nhà, tiền công cải tạo và đầu tư trên đất. Đối với các cây trồng trên đất thì bà sẽ tự Khai thác, thu hoạch và Di Dời đi nơi Khác nếu trả lại đất cho ông K, bà D, bà Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Tô M D trình bày: Vợ chồng bà có cho bà P thuê đất, nhưng chỉ thỏa thuận thuê hàng năm và chỉ thỏa thuận miệng với nhau chứ Không có Ký hợp đồng thuê đất với bà P. Bà chỉ hợp đồng cho thuê đất với bà P từ năm 2004 đến năm 2014, giá cho thuê theo từng năm. Từ Khi thuê đến năm 2014 thì bà P còn nợ vợ chồng bà số tiền thuê là 10.000.000 đồng tiền thuê đất năm 2013. Nay bà P yêu cầu vợ chồng bà bồi thường tiền lúa, cá thì bà Không đồng ý vì những năm gần đây gia đình bà Không có làm hợp đồng thuê đất với P từ năm 2015 đến hết tháng 3 năm 2018. Từ năm 2015 đến nay bà P, ông Q ở trên đất đã hưởng hoa lợi trên đất, gia đình bà Không được hưởng phần này nên bà Không đồng ý bồi thường. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết chấm Dứt hợp đồng thuê đất giữa vợ chồng bà với bà P từ năm 2015, yêu cầu Tòa án buộc bà P và những người trong gia đình bà P Di Dời nhà ra Khỏi phần đất của vợ chồng bà, Khai thác thu hoạch và Di Dời cây cối trên đất để trả đất cho vợ chồng bà và yêu cầu bà P trả cho vợ chồng bà số tiền 10.000.000 đồng tiền thuê đất. Bà rút lại yêu cầu về việc bà P, ông Q bồi thường thiệt hại năm 2015, năm 2016 với số tiền 60.000.000 đồng.

Bị đơn ông Trần T K trình bày: Ông thống nhất theo lời trình bày của bà D, tuy nhiên ông trình bày bổ sung thêm một số vấn đề như sau. Việc bà P, ông Q ở trên đất đào K, cát nhà để giữ rừng và đã hưởng hoa lợi trên đất, nên bà P yêu cầu vợ chồng ông bồi thường tiền thiệt hại về lúa và cá thì ông Không đồng ý. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết chấm Dứt hợp đồng thuê đất giữa vợ chồng ông với bà P từ năm 2015, yêu cầu Tòa án buộc bà P và những người trong gia đình bà P Di Dời nhà ra Khỏi phần đất của vợ chồng ông, buộc Di Dời Khai thác và thu hoạch các

cây trồng trên đất để trả đất cho vợ chồng ông và yêu cầu bà P trả cho vợ chồng ông số tiền 10.000.000 đồng tiền thuê đất. Đối với số tiền 950.000 đồng ông nợ bà P thì ông đồng ý trả cho bà P số tiền trên. Đồng thời, ông xin rút lại phần yêu cầu về việc yêu cầu bà P bồi thường tiền hoa lợi, thu nhập trên đất từ năm 2015 đến năm 2016, mỗi năm 30.000.000 đồng, 02 năm là 60.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn V Q trình bày: Ông thống nhất theo yêu cầu của bà P, ông Không có ý Kiến trình bày bổ sung gì thêm. Ông đồng ý trả cho ông K tiền thuê đất năm 2013 là 10.000.000 đồng, nhưng ông Không đồng ý Di Dời nhà đi nơi Khác để trả đất lại cho bà D, ông K. Bởi vì, ông K, bà D có hứa cho vợ chồng ông mượn đất để cất nhà ở. Đối với các cây trồng trên đất thì ông sẽ tự Khai thác, thu hoạch và Di Dời đi nơi Khác nếu trả lại đất cho ông K, bà D, ông Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra ông Không còn yêu cầu gì Khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn V P trình bày: Anh Không đồng ý Di Dời nhà đi nơi Khác Do trước đây ông K đã hứa cho gia đình anh sinh sống trên phần đất đang tranh chấp đến Khi nào gia đình anh có nơi ở mới. Ngoài ra anh Không còn yêu cầu gì Khác.

Tại Công văn số 262/Cty ngày 03 tháng 5 năm 2016 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Cty TNHH MTV LNUM H trình bày: Ngày 15 tháng 10 năm 1993, LNT TVT (nay là liên tiểu Khu TVT thuộc Cty TNHH MTV LNUM H) Ký hợp đồng giao Khoán đất lâm nghiệp với bà Tô M D tại thửa số 05, Khoảnh 01, tiểu Khu 056 với Diện tích 07ha. Tại Khoản a, Điều 3 hợp đồng có ghi “Quyền của bên B (bên nhận Khoán) được tổ chức sản xuất ổn định, được ưu tiên hợp đồng các chu Kỳ sau, được quyền thừa Kế, quyền chuyển nhượng thành quả lao động, Kết quả đầu tư trên phần đất nhận Khoán. Được quyền thế chấp (Khi có sự xác nhận của LNT)”. Như vậy đối với hợp đồng giao Khoán đất lâm nghiệp giữa LNT TVT với bà Tô M D thì bà D Không có quyền cho thuê lại.

Do hợp đồng giao Khoán giữa bà D với Công ty hết hạn ngày 30 tháng 12 năm 2015, Công ty tiếp tục Ký Kết hợp đồng giao Khoán đất rừng và đất rừng sản xuất số 2205 với ông Trần T K, thời hạn giao Khoán là 20 năm, Kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 12 năm 2035. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 trong hợp đồng thể hiện (Bên B) nhận giao Khoán Không có quyền cho thuê lại hợp đồng. Đồng thời Công ty có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 39/2017/DS-ST ngày 29/8/2017 của Tòa án nhân Dân huyện UM quyết định:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Điều 244; Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

Áp Dụng Điều 298; Điều 474, Điều 489 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp Dụng Điều 203 Luật đất đai năm 2003;

Áp Dụng Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu Khởi Kiến của bà Lê T P về việc yêu cầu ông Trần T K, bà Tô M D trả tiền nợ, tiền bồi thường thiệt hại về lúa và cá.

Buộc ông Trần T K trả cho bà Lê T P số tiền 950.000 đồng.

Không chấp nhận của bà Lê T P về việc yêu cầu buộc ông Trần T K, bà Tô M D bồi thường tiền lúa, tiền cá với số tiền 250.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần T K, bà Tô M D về việc yêu cầu chấm Dứt hợp đồng thuê đất với bà Lê T P từ năm 2015, yêu cầu bà Lê T P, ông Nguyễn V Q, anh Nguyễn V P, chị Nguyễn C T, chị Dương H C, Khai thác, thu hoạch, Di Dời các cây trồng và Di Dời nhà đi nơi Khác trả lại đất cho ông, bà.

Buộc bà Lê T P, ông Nguyễn V Q, anh Nguyễn V P, chị Nguyễn C T, chị Dương H C giao trả cho ông Trần T K, bà Tô M D phần đất có Diện tích theo đo đạc thực tế 26.395,4m² (gồm đất ở 300m², đất trồng cây lâu năm 248,7m² và đất trồng lúa 25.846,7²) tại thửa số 03, 23, tờ bản đồ số 32 thuộc ấp 11, xã KL, huyện UM, tỉnh Cà Mau. Đất có vị trí tiếp giáp như sau:

- + Phía Đông giáp đất ông Võ V S Dài 387,3 mét;
- + Phía Tây giáp phần đất ông Châu V B Dài 387,3 mét;
- + Phía Nam giáp đất rừng của ông Trần T K Dài 71 mét;
- + Phía Bắc giáp K Tuyến 29 Dài 69,4 mét.

Buộc bà Lê T P, ông Nguyễn V Q, anh Nguyễn V P, chị Nguyễn C T, chị Dương H C Di Dời căn nhà với Kết cấu (nhà trước có Diện tích 7,8mx9,9m căn nhà nền hàng ba trảng xi măng, nền lót gạch tàu, vách thiết, mái lợp tol, vách thiết, Khung nhà làm bằng cây gỗ địa phương, nhà sau có Diện tích 10mx2,6m căn nhà nền đất, mái lợp thiết, Khung làm bằng cây gỗ địa phương) ra Khởi phần đất trả đất lại cho ông Trần T K, bà Tô M D.

Buộc bà Lê T P, ông Nguyễn V Q, anh Nguyễn V P, chị Nguyễn C T, chị Dương H C Khai thác, thu hoạch, Di Dời 02 bụi tre nhỏ, 02 cây Dừa nhỏ, 03 cây mận đang cho trái, 01 cây ổi, 01 cây lý, 01 cây mít đang cho trái, 01 cây mới trồng và 03 cây mít đang phát triển, 01 cây chanh đang cho trái, 01 cây mai còn nhỏ và Diện tích chuối 1.353m² để trả phần đất cho ông Trần T K, bà Tô M D.

Buộc ông Trần T K, bà Tô M D hỗ trợ chi phí Di Dời nhà cho bà Lê T P, ông Nguyễn V Q, anh Nguyễn V P, chị Nguyễn C T, chị Dương H C với số tiền 5.000.000 đồng và cho bà P, ông Q, anh P, chị T, chị C được lưu cư trên phần đất thuê của ông K, bà D thời gian 03 tháng Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để bà P, ông Q, anh P, chị T, chị C tìm nơi ở mới.

Buộc bà Lê T P, ông Nguyễn V Q liên đới trả cho ông Trần T K, bà Tô M D tiền thuê đất với số tiền 10.000.000 đồng và số tiền chi phí đo đạc 3.124.000 đồng. Tổng cộng 13.124.000 đồng.

Đình chỉ đối với yêu cầu của bà Lê T P về việc bồi thường tiền đầu tư cải tạo trên đất, tiền hỗ trợ Di Dời nhà.

Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Trần T K, bà Tô M D về việc buộc bà Lê T P bồi thường thiệt hại số tiền 60.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền Kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/9/2017 bà Lê T P có đơn Kháng cáo với nội D Không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm đã tuyên, yêu cầu ông K và bà D phải bồi thường tiền lúa, tiền cá và tiền nợ, tiền hỗ trợ Di Dời nhà số tiền 275.950.000 đồng và tiền cải tạo giữ gìn đất từ năm 2000 đến nay là 200.000.000 đồng, tổng cộng 475.950.000 đồng thì mới đồng ý trả đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người Kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu Kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn đề nghị chấp nhận yêu cầu Kháng cáo của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm.

Đại Diện Viện Kiểm sát nhân Dân tỉnh Cà Mau phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp Dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Không chấp nhận Kháng cáo của bà P, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân Dân huyện UM.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận thống nhất các bên có tham gia giao Dịch thuê mượn đất với nhau. Quá trình giao dịch đôi bên không có làm giấy tờ văn bản mà chỉ nói miệng, nguyên đơn kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại, đòi tiền mượn với số tiền là 250.950.000 đồng và hỗ trợ tiền di dời nhà là 25.000.000 đồng; bị đơn phản tố yêu cầu chấm dứt hợp đồng thuê đất và yêu cầu buộc nguyên đơn trả đất.

Nguyên đơn kháng cáo cho rằng phía bà D và ông K thỏa thuận cho bà thuê đất đến tháng 3/2018 nhưng phía bị đơn làm sai hợp đồng không tiếp tục cho bà thuê đến hết hợp đồng. Do vậy bà yêu cầu ông K và bà D phải bồi thường tiền lúa, tiền cá và tiền nợ, tiền hỗ trợ di dời nhà số tiền 275.950.000 đồng và tiền cải tạo giữ gìn đất từ năm 2000 đến nay là 200.000.000 đồng, tổng cộng 475.950.000 đồng, thì mới đồng ý trả đất.

[2] Xét kháng cáo của bà Lê T P Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bà P cho rằng giữa hai bên thỏa thuận hợp đồng miệng với thời hạn thuê đến hết tháng 3 năm 2018 nhưng bà không có văn bản tài liệu chứng cứ nào chứng minh bà được bị đơn đồng ý cho thuê đất đến tháng 3/2018 trong khi phía bị đơn không thừa nhận mà xác định chỉ cho bà P thuê từng năm. Phía bà P cho rằng bà Trần T V là người biết việc cho thuê đất nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 09 tháng 6 năm 2017 bà V xác định Không biết giá thuê và thời hạn thuê như thế nào nên trình bày của bà P là Không có căn cứ. Ngoài ra, bà P Không có chứng cứ Khác để chứng minh cho lời trình bày của mình nên chấp nhận theo thừa nhận của ông K và bà D là chỉ cho bà P thuê từng năm là phù hợp. Hơn nữa theo Công văn số 262 ngày 03 tháng 5 năm 2016, của Cty TNHH MTV LNUM H, thể hiện ông K, bà D Không có quyền cho thuê lại phần đất trên.

Như vậy, Hợp đồng thuê đất giữa bà P với ông K và bà D là Không đúng quy định, mặt Khác đến nay đã hết hạn hợp đồng nên án sơ thẩm buộc bà P, ông Q

và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh P, chị T, chị C di dời nhà đi nơi Khác và Khai thác, thu hoạch, di dời các cây trồng có trên phần đất để trả lại phần đất cho ông K và bà D là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà P cũng thừa nhận Khi thuê đất giữa hai bên Không có thỏa thuận nếu Kết thúc hợp đồng thì phía bị đơn phải bồi thường và trả tiền đầu tư cải tạo đất. Mặt Khác từ năm 2015 đến nay, gia đình bà P vẫn sinh sống trên phần đất thuê, hưởng hoa lợi trên đất, nhưng Không có trả tiền thuê đất cho ông K và bà D nay yêu cầu bồi thường tiền lúa, tiền cá 250.000.000 đồng là Không có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà P đã thay đổi một phần yêu cầu Khởi Kiến, rút lại yêu cầu buộc ông K, bà D hỗ trợ Di Dời nhà với số tiền 25.000.000 đồng, nên cấp sơ thẩm đình chỉ Không xem xét, nay bà Kháng cáo yêu cầu xem xét vấn đề này là Không có cơ sở chấp nhận.

Đối với tiền cải tạo giữ gìn đất từ năm 2000 đến nay là 200.000.000 đồng, tại cấp sơ thẩm bà P Không đặt ra yêu cầu, cấp sơ thẩm chưa giải quyết, nay bà yêu cầu cấp phúc thẩm Không thể xem xét giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ phân tích trên, xét yêu cầu Kháng cáo của bà P và ý Kiến tranh luận của Luật sư là Không có căn cứ nên Hội đồng xét xử Không chấp nhận Kháng cáo của bà Lê T P, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Án phí phúc thẩm bà Lê T P được miễn Do thuộc hộ nghèo.

[6] Những quyết định Khác của án sơ thẩm Không bị Kháng cáo, Kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Không giải quyết; có hiệu lực pháp luật Kể từ ngày hết thời hạn Kháng cáo, Kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu Kháng cáo của bà Lê T P.

Giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm số 39/2017/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân Dân huyện UM.

Chấp nhận một phần yêu cầu Khởi Kiến của bà Lê T P về việc yêu cầu ông Trần T K, bà Tô M D trả tiền nợ, tiền bồi thường thiệt hại về lúa và cá.

Buộc ông Trần T K trả cho bà Lê T P số tiền 950.000 đồng.

Không chấp nhận của bà Lê T P về việc yêu cầu buộc ông Trần T K, bà Tô M D bồi thường tiền lúa, tiền cá với số tiền 250.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần T K, bà Tô M D về việc yêu cầu chấm Dứt hợp đồng thuê đất với bà Lê T P từ năm 2015, yêu cầu bà Lê T P, ông

Nguyễn V Q, anh Nguyễn V P, chị Nguyễn C T, chị Dương H C, Khai thác, thu hoạch, Di Dời các cây trồng và Di Dời nhà đi nơi Khác trả lại đất cho ông, bà.

Buộc bà Lê T P, ông Nguyễn V Q, anh Nguyễn V P, chị Nguyễn C T, chị Dương H C giao trả cho ông Trần T K, bà Tô M D phần đất có Diện tích theo đo đạc thực tế 26.395,4m² (gồm đất ở 300m², đất trồng cây lâu năm 248,7m² và đất trồng lúa 25.846,7²) tại thửa số 03, 23, tờ bản đồ số 32 thuộc ấp 11, xã KL, huyện UM, tỉnh Cà Mau. Đất có vị trí tiếp giáp như sau:

- + Phía Đông giáp đất ông Võ V S Dài 387,3 mét;
- + Phía Tây giáp phần đất ông Châu V B Dài 387,3 mét;
- + Phía Nam giáp đất rừng của ông Trần T K Dài 71 mét;
- + Phía Bắc giáp Kinh Tuyến 29 Dài 69,4 mét.

Buộc bà Lê T P, ông Nguyễn V Q, anh Nguyễn V P, chị Nguyễn C T, chị Dương H C Di Dời căn nhà với Kết cấu (nhà trước có Diện tích 7,8m x 9,9m căn nhà nền hàng ba tráng xi măng, nền lót gạch tàu, vách thiết, mái lợp tol, vách thiết, Khung nhà làm bằng cây gỗ địa phương, nhà sau có Diện tích 10m x 2,6m căn nhà nền đất, mái lợp thiết, Khung làm bằng cây gỗ địa phương) ra Khỏi phần đất trả đất lại cho ông Trần T K, bà Tô M D.

Buộc bà Lê T P, ông Nguyễn V Q, anh Nguyễn V P, chị Nguyễn C T, chị Dương H C Khai thác, thu hoạch, Di Dời 02 bụi tre nhỏ, 02 cây Dừa nhỏ, 03 cây mận đang cho trái, 01 cây ổi, 01 cây lý, 01 cây mít đang cho trái, 01 cây mới trồng và 03 cây mít đang phát triển, 01 cây chanh đang cho trái, 01 cây mai còn nhỏ và Diện tích chuôi 1.353m² để trả phần đất cho ông

Trần T K, bà Tô M D.

Buộc ông Trần T K, bà Tô M D hỗ trợ chi phí Di Dời nhà cho bà Lê T P, ông Nguyễn V Q, anh Nguyễn V P, chị Nguyễn C T, chị Dương H C với số tiền 5.000.000 đồng và cho bà P, ông Q, anh P, chị T, chị C được lưu cư trên phần đất thuê của ông K, bà D thời gian 03 tháng Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để bà P, ông Q, anh P, chị T, chị C tìm nơi ở mới.

Buộc bà Lê T P, ông Nguyễn V Q liên đới trả cho ông Trần T K, bà Tô M D tiền thuê đất với số tiền 10.000.000 đồng và số tiền chi phí đo đạc 3.124.000 đồng. Tổng cộng 13.124.000 đồng.

Đình chỉ đối với yêu cầu của bà Lê T P về việc bồi thường tiền đầu tư cải tạo trên đất, tiền hỗ trợ Di Dời nhà.

Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Trần T K, bà Tô M D về việc buộc bà Lê T P bồi thường thiệt hại số tiền 60.000.000 đồng.

Án phí Dân sự phúc thẩm: Bà Lê T P được miễn nộp án phí phúc thẩm.

Các quyết định Khác của bản án sơ thẩm Không có Kháng cáo, Kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật Kể từ ngày hết thời hạn Kháng cáo, Kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật Kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân Dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân Dân huyện UM;
- Chi cục THADS huyện UM;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

Châu Minh Hoàng